TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 10 năm 2019
"V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Trình, ông Hoàng Ngọc Ánh

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên toà***: Ông Bùi Xuân Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị T - sinh năm: 1988

Địa chỉ: Xóm D, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu H - sinh năm: 1983

Địa chỉ: Xóm D, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu H đăng ký kết hôn ngày 11/9/2008 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H hay uống rượu sau đó chửi và đánh chị, thậm trí anh H còn nói xúc phạm đến gia đình chị. Khi chị đi làm xa nhà thì anh H thường xuyên gọi điện để chửi bới và cho rằng chị có quan hệ bất chính với người con

trai khác. Từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019. Ngày 20/6/2019 chị và anh H trao đổi cụ thể với nhau về tình trạng hôn nhân để mỗi bên nhận thấy ưu khuyết điểm của mình để sửa chữa và chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh H đã đánh chị nên chị đã báo cáo chính quyền địa phương đến giải quyết. Thời gian vợ chồng sống ly thân, anh H thường xuyên gọi điện cho chị để chửi bới, anh H còn gọi điện cho chủ nhà nơi chị đang làm để nói xấu về chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày: 30/7/2009 và Nguyễn Nam P - sinh ngày: 09/3/2015. Khi ly hôn mỗi người nuôi một con, chị nhận nuôi cháu N, còn cháu P giao cho anh H nuôi dưỡng. Khi nuôi con, chị không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hoan trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Ngày 20/6/2019 chị T nói là ly hôn anh, do không kiềm chế được nên anh đánh chị T, sau khi đánh chị T thì Trưởng khu và Công an viên đến nhắc nhở anh và khuyên giải vợ chồng. Chị T đi làm từ đầu năm 2019 nên thỉnh thoảng mới về nhà. Nay chị T xin ly hôn thì anh xin đoàn tụ, mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nhưng không muốn các con thiếu tình cảm của bố mẹ, anh mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng chung sống nuôi dạy con chung, nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày: 30/7/2009 và Nguyễn Nam P - sinh ngày: 09/3/2015. Anh không muốn ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành quy định của Pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T về việc được ly hôn anh Nguyễn Hữu H. Xử cho chị T được ly hôn anh H.

Giao con chung là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày: 30/7/2008 cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con thành niên; giao con chung là Nguyễn Nam P - sinh ngày: 09/3/2015 cho anh Nguyễn Hữu H Trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền thăm nom con mà không được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình giữa chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hữu H, bị đơn hiện cư trú tại xã V, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn.

Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hữu H đăng ký kết hôn ngày 11/9/2008 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ, khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên xin ly hôn nhưng anh H xin đoàn tụ. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh H là do tính cách hai bên không hợp nhau, trong cuộc sống hai bên không tin tưởng nhau nên anh H đã nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người con trai khác, ngày 20/6/2019 anh H đã đánh chị T, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Tòa án xác minh nơi cư trú của anh H thì thấy đời sống chung vợ chồng giữa chị T và anh H không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H ghen tuông chị T có quan hệ bất chính với người con trai khác, anh H đã đánh chị T, mâu thuẫn giữa chị T và anh H có được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không cải thiện được, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, anh xin đoàn tụ là vì không muốn các con thiếu tình cảm của bố mẹ nên lý do xin đoàn tụ của anh H là không có căn cứ. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ nên xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày: 30/7/2009 và Nguyễn Nam P - sinh ngày: 09/3/2015. Khi ly hôn chị T đề nghị mỗi người nuôi một con. Xét thấy chị T nhận nuôi cháu N và cháu N nguyện vọng ở với chị T. Theo quy định tại Điều 69 của Luật Hôn nhân và gia đình, trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ nên mỗi người nuôi một con là phù hợp. Vì vậy, giao con chung là cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là cháu P cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do mỗi người nuôi một con và các bên đều có điều kiện nuôi con. Vì vậy, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Xét thấy chị T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết, còn anh H xác định không có tài sản chung. Do chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Xét thấy chị T và anh H không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Hữu H. Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

3. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày: 30/7/2008 cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung thành niên; giao con chung là Nguyễn Nam P - sinh ngày: 09/3/2015 cho anh Nguyễn Hữu H Trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Hữu H đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu

5. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001762 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000đ án phí ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thanh Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên